

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày 28-8-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Kim Phụng;**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Sậm.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962. Có mặt.

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư **Trần Hùng D**- Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Có mặt.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1960. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1969. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1976. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số G ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1985. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

7. Ủy ban nhân dân huyện V

Đại diện theo ủy quyền ông Lê Minh K- Phó trưởng Phòng TNMT huyện Vĩnh Thạnh. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 (chết ngày 19/02/2019) và bà Nguyễn Thị L2 (tên gọi khác Thanh chết ngày 19/09/2020) chung sống với nhau có 08 người con gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1. Trong quá trình chung sống ông T2 và bà L2 tạo dựng được tài sản chung gồm: Tổng diện tích đất qua đo đạc là 911.6m² (Trong đó, ONT 200m², CLN 667,6m²) tại các thửa đất số 874, 637, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01759, CH01756 cùng ngày 04/02/2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Khi cha mẹ chết không để lại di chúc và di sản từ trước đến nay các anh chị em chưa chia. Vào năm 2022 do muốn sửa chữa xây dựng lại căn nhà trên thửa đất 874 nên ông có yêu cầu các anh chị em ký tên phân chia di sản thừa kế thì ông Nguyễn Văn T đứng ra ngăn cản không đồng ý chia dẫn đến phát sinh tranh chấp. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế diện tích 153.7m² (ký hiệu A) sau khi đã cắt phần mộ ra, loại đất CLN, thuộc một phần thửa đất số 874, tờ bản đồ số 05, đất tọa tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ và ghi nhận mở lối đi chung hiện hữu tại vị trí ký hiệu B 8.4m² và vị trí ký hiệu C 45.6m² để nguyên đơn có điều kiện lối đi ra đường giao thông nông thôn. Đối với việc các anh em còn lại không yêu cầu chia thì là việc của họ ông không ý kiến gì. Quá trình khởi kiện giải quyết vụ án thì ông có yêu cầu Tòa án xem xét công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 22/5/2004 giữa ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị L2 (Thanh) đối với phần đất có diện tích ngang 8m dài 15,8m, thuộc thửa đất số 874 nêu trên nhưng nay ông H và bà L xác định xin rút một phần khởi kiện đối với yêu cầu này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất ông T2 và bà L2 (T3) có 08 người con và thửa đất 874, 637 là tài sản do vợ chồng ông T2 tạo lập như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì ông không đồng ý vì muốn giữ lại toàn bộ đất để làm đất thờ cúng ông bà nhưng nguyên đơn muốn chia thì ông sẽ đồng ý nếu nguyên đơn chịu bồi thường thiệt hại do đập phá tài sản của ông số tiền 5.000.000đ. Còn về bản thân thì ông có yêu cầu xin được chia thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với căn nhà trên đất của con gái Nguyễn Thị Thúy H1 khi Tòa án thẩm định thì hiện nay đã tháo dỡ H1 cũng không còn sinh sống trên đất nên cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Hiện tại trên đất chỉ có 04 căn nhà là của tôi, bà T1, ông H và căn nhà khi cha mẹ còn sống ở những người còn lại đã có nhà đất và ở riêng. Do bận công việc yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L1 cùng có lời trình bày như sau: Các ông bà thống nhất ông T2 và bà L2 (T3) có 08 người con và thửa đất 874, 637 là tài sản do vợ chồng ông T2 tạo lập như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì ông bà thống nhất đồng ý không ý kiến gì. Tuy nhiên, về phần các ông bà thì không có yêu cầu chia thừa kế đề nghị Tòa án xem xét giữ nguyên hiện trạng phần đất còn lại để làm nơi thờ cúng ông bà. Nếu sau này ông bà có tranh chấp về chia thừa kế sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do bận công việc yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà thống nhất ông T2 và bà L2 (T3) có 08 người con và thửa đất 874, 637 là tài sản do vợ chồng ông T2 tạo lập như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì bà đồng ý. Bà cũng có yêu cầu xin được chia thừa kế theo quy định pháp luật. Do bận công việc yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày: Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn T. Hiện bà đang cất tạm căn nhà trên thửa đất 637 của ông bà nội là ông T2 và bà L2 khi còn sống cho bà ở nhờ. Nay nguyên đơn tranh chấp chia thừa kế thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án. Do bận công việc yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ ông Lê Minh K có yêu cầu xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau:

Thửa đất số 637, diện tích 244m² (ONT + CLN), tờ bản đồ số 05, tại ấp V, xã V, huyện V, do hộ ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 đứng tên trên sổ bộ địa chính. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01759, ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2. Về nguồn gốc thửa đất số 637 của hộ ông Nguyễn Văn T2 đứng tên sử dụng trước năm 2009, diện tích cũ là 474m² (ONT + CLN). Đến ngày 17 tháng 12 năm 2012 hộ ông T2 chuyển nhượng QSD đất một phần thửa đất trên,

diện tích 230m² (ONT + CLN) cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị G, sau khi chuyển nhượng một phần thì hộ ông T2 thực hiện đăng ký cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01759, ngày 04/02/2013.

Thửa đất số 874, diện tích 581m² (CLN), tờ bản đồ số 05, tại ấp V, xã V, huyện V, do hộ ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 đứng tên trên sổ bộ địa chính. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01756, ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2. Về nguồn gốc thửa đất số 874 là của gia đình ông Nguyễn Văn T2 đứng tên sử dụng từ năm 2012, diện tích cũ là 581m² (CLN). Đất do ông T2 và bà L2 đã mua lại của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị G vào năm 2012 (được tách từ thửa đất gốc 638), sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính hộ ông Nguyễn Văn T2 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01756, ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 đứng tên.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01759 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 và số CH01756, ngày 04/02/2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2, tại thửa tại thửa đất số 637 và 874, tờ bản đồ 05, thì căn cứ hồ sơ địa chính trích lục thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng đối tượng, trình tự, thủ tục và theo quy định. Căn cứ hồ sơ địa chính trích lục hiện thửa đất số 637 và 874 nêu trên qua xem xét hồ sơ trích lục địa chính chưa ghi nhận việc thế chấp, bảo đảm cho tổ chức tín dụng. Do bản công việc xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện xin được chia diện tích 153.7m², loại đất CLN tại thửa 874 và đồng ý trả giá trị đối với diện tích dư được chia cho những người còn lại thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn Luật sư Trần Hùng D cũng thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận lỗi đi chung hiện hữu từ trước đến nay để tạo điều kiện cho nguyên đơn có lỗi đi khi được chia phần đất thừa kế. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia cho ông Nguyễn Văn H phần đất có diện tích 153.7m² (ký hiệu A), loại đất CLN thuộc một phần thửa đất số 874.

Mở lỗi đi chung tại vị trí (ký hiệu B) diện tích 8.4m², vị trí (ký hiệu C) diện tích 45.6m² thuộc một phần của thửa đất số 874, 637.

Công nhận ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả giá trị phần đất số tiền 7.950.000 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) cho những người hàng thừa kế thứ nhất còn lại của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 (T3) gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện tại tờ giấy viết tay có tiêu đề “Tờ mua bán đất thổ cư” ngày 22/5/2004 giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị L2 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa đất 874.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T2 (chết ngày 19/02/2019) và bà Nguyễn Thị L2 (tên gọi khác Thanh chết ngày 19/09/2020), Ngày 21/11/2022 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của vợ chồng ông T2 để lại. Căn cứ Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản của ông T2 và bà T3 chết để lại tại các thửa đất 874, 637 nhưng bị đơn không đồng ý. Do đó, xác định đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện V, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Thúy H1 tất cả đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[2.1] Các đương sự đều thống nhất thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 (chết ngày 19/02/2019) và bà Nguyễn Thị L2 (tên gọi khác Thanh chết ngày 19/09/2020) chung sống với nhau có 08 người con gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1 được quy định tại các Điều 611 và Điều 613 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Các đương sự đều thống nhất tổng diện tích đo đạc thực tế là 911.6m² tại các thửa 874, 637 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ

CH01759, CH01756 cùng ngày 04/02/2013 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 đứng tên trên là tài sản do ông T2 và bà L2 tạo lập, chết không để lại di chúc và các anh chị em cũng chưa chia thừa kế. Tài sản có tổng giá trị là 353.120.000 đồng. (Cụ thể: $244\text{m}^2 \times 900.000\text{đ}$ (giá loại đất ONT) = $219.600.000\text{đ}$; $667.6\text{m}^2 \times 200.000\text{đ}$ (giá loại đất CLN) = $133.520.000\text{đ}$).

[2.3] Xét thấy qua đo đạc thực tế tại thửa 874 có diện tích 667.6m^2 giấy đất được cấp là 581m^2 tăng 86.6m^2 ; thửa đất 637 thì qua đo đạc thực tế 244m^2 đúng với giấy đất được cấp. Nguyên nhân tăng là do sự thỏa thuận ranh mốc với hộ tứ cận có sự thay đổi về ranh mốc. Qua thẩm định đo đạc thực tế thì các đương sự đều thống nhất ranh không có tranh chấp. Do đó, Tòa án sẽ căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H là có cơ sở chấp nhận vì: Ông là một trong những người con được thừa kế theo quy định pháp luật của ông T2, bà L2 theo quy định tại các Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể ông H được chia như sau:

Tổng diện tích đo đạc thực tế là 911.6m^2 tại các thửa 874, 637 thì sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà L2 gồm 08 người con mỗi người 01 kỷ phần bằng nhau $911.6\text{m}^2 : 8 = 113.95\text{m}^2/1$ kỷ phần. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chỉ có ông H là có yêu cầu chia thừa kế còn những người còn lại được chia kỷ phần thừa kế thì không có yêu cầu chia nên Tòa án chỉ xem xét yêu cầu chia thừa kế của ông H. Xét thấy, qua thẩm định đo đạc thực tế căn nhà hiện hữu ông H đang sử dụng có diện tích 153.7m^2 so với kỷ phần ông được nhận thừa kế 113.95m^2 thì chênh lệch dư $39,75\text{m}^2$ nhưng căn nhà không thể tháo dỡ di dời nên cần thiết phải ổn định hiện trạng thực tế cho ông H là phù hợp. Vì vậy, giá trị phần di sản thừa kế của ông H được nhận chênh lệch dư $39,75\text{m}^2$ so với kỷ phần di sản được chia theo quy định pháp luật nên ông H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho những người được chia kỷ phần thừa kế số tiền tương ứng cụ thể: $39,75\text{m}^2 \times 200.000\text{đ}$ (giá loại đất CLN) = $7.950.000\text{đ}$.

[2.5] Xét ý kiến trình bày của bị đơn ông T: Về việc không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do anh em không thuận thảo nên ông không đồng ý và nếu muốn được sự đồng ý chia thừa kế của ông thì nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại do đập phá tài sản của ông với số tiền 5.000.000đ và ông cũng có ý kiến xin chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất tại vị trí căn nhà ông T đang sinh sống trên thửa đất 637. Xét thấy, các ý kiến của bị đơn ông T Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Đối với lý do không đồng ý chia thừa kế là do anh em không thuận thảo thì lý do này là vô lý không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận vì quyền yêu cầu chia thừa kế đã được luật định nên việc nguyên đơn ông H yêu cầu chia thừa kế là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Đối với việc ông yêu cầu chia thừa kế thì Tòa án đã phân tích giải thích và ấn định thời gian cho ông T làm đơn yêu cầu để được Tòa án xem xét nhưng đến nay ông vẫn không có thực hiện. Thêm nữa, việc ông yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tài sản cho ông 5.000.000đ thì đây là vụ việc khác không liên quan gì đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem

xét. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông T không có yêu cầu chia thừa kế nên không đặt ra vấn đề để giải quyết và đối với yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại tài sản 5.000.000đ thì đối với hai vấn đề này ông T có quyền nộp đơn khởi kiện thành vụ án khác.

[2.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 quá trình giải quyết có ý kiến trình bày đề nghị xin chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất tại vị trí căn nhà bà đang sinh sống trên thửa đất 637 thì Tòa án đã phân tích giải thích và ấn định thời gian cho bà T5 làm đơn yêu cầu để được Tòa án xem xét nhưng đến nay bà vẫn không có thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề để giải quyết. Trường hợp, sau này bà T1 có yêu cầu chia thừa kế thì có quyền nộp đơn khởi kiện thành vụ án khác.

[2.7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L1 cùng có ý kiến không có yêu cầu chia thừa kế đề nghị Tòa án xem xét giữ nguyên hiện trạng phần đất còn lại mà các ông bà được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật để làm nơi thờ cúng ông bà. Xét thấy, việc các ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp. Do đó, phần đất còn lại sau khi đã chia cho ông H thì sẽ được giữ nguyên hiện trạng giao cho các ông bà cùng quản lý sử dụng. Trường hợp sau này các ông bà có phát sinh tranh chấp về chia thừa kế sẽ được khởi kiện thành vụ án khác.

[2.8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H1 thì quá trình đo đạc thực tế có ghi nhận căn nhà của bà trên phần đất thửa 637. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bà H1 đã tháo dỡ di dời đi nơi khác cũng như không còn sinh sống trên phần đất này. Hơn nữa, bà H1 cũng không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề để giải quyết là phù hợp.

[3] Đối với việc mở lối đi trên thửa đất 874, 637 là cần thiết. Bởi lẽ, mặt dù hình thể của hai thửa đất không thể hiện có lối đi chung nhưng qua đo đạc thực tế thì trên đất có lối đi hiện hữu đã được các đương sự dụng từ thời ông T2, bà L2 còn sống. Đồng thời, qua xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ về mặt thì vị trí qua đo đạc thực tế mở lối đi chung theo yêu cầu của nguyên đơn ông H là hợp lý nhất vì:

Vị trí mở lối đi chung thì qua thực tế đo đạc thực tế tại vị trí (ký hiệu B) diện tích 8.4m², vị trí (ký hiệu C) diện tích 45.6m² là thuận tiện nhất vì trên đất không có công trình vật kiến trúc là đất trống, vị trí này cũng là lối đi hiện hữu các đương sự cũng sử dụng làm lối đi chung từ xưa cho đến nay.

Khi Tòa án chấp nhận yêu cầu chia cho ông H phần đất diện tích 153,7m² tại vị trí (ký hiệu A) thuộc một phần thửa 874 thì các cạnh chiều dài bên trái, bên phải, mặt trước và mặt sau đều bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề của hộ tứ cận đã xây dựng nhà ở kiên cố ổn định nên vị trí đất (ký hiệu A) ông H được chia không còn lối đi nào khác đi ra lộ giao thông nông thôn. Đồng thời, diện tích đất còn lại của hai thửa đất cần có lối đi chung để các đương sự có thể thực

hiện việc đi lại trên đất cũng như nếu có yêu cầu chia thừa kế cũng tạo điều kiện dễ dàng cho các vị trí được chia có lối đi chung. Như vậy, qua đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản được hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Thì việc mở lối đi chung tại vị trí đo đạc thực tế (ký hiệu B) diện tích 8.4m², vị trí (ký hiệu C) diện tích 45.6m² thuộc một phần thửa 874, 637 nêu trên là hoàn toàn có đủ điều kiện và không gây thiệt hại hay ảnh hưởng gì đến quy hoạch của địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc mở lối đi chung.

[4] Đối với các căn nhà trên đất của ông T, bà T1 và nhà của ông T2 khi còn sống, các cây trồng trên đất và các ngôi mộ nằm rải rác, không tập trung cùng một nơi nằm trên thửa đất 874 thì quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất tự thỏa thuận, không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa đất 874 được lập giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị L2 (Thanh) vào ngày 22/5/2004 thì nguyên đơn ông H, bà L xác định không còn yêu cầu nữa và xin rút yêu cầu khởi kiện này. Quá trình giải quyết vụ án phí bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ai có ý kiến gì về việc xin rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa đất 874 nêu trên là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá và lệ phí bản vẽ địa chính là 10.500.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền này nên Hội đồng xét xử công nhận nguyên đơn đã nộp và chi xong theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được chia và án phí đối với số tiền phải trả giá trị 7.950.000đ theo

quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 26; 35; 39; 96; 147; 157; 165; 185; 227; 228; 235; 254; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 611, 613, 623, 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 (T3) gồm diện tích đất qua đo đạc là 911,6m² (Trong đó, ONT 200m², CLN 667,6m²) tại các thửa đất số 874, 637, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01759, CH01756 cùng ngày 04/02/2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị là 353.120.000 đồng.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 là ngày 19/02/2019, thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị L2 (T) là ngày 19/9/2020.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 (T3) gồm có 08 người: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1.

4. Ông Nguyễn Văn H được chia hiện vật phần đất có diện tích 153,7m² (ký hiệu A), loại đất CLN thuộc một phần của thửa đất 874, tờ bản đồ 05 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01756, ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Có giá trị 30.740.000 đồng.

5. Mở lối đi chung tại vị trí (ký hiệu B) diện tích 8.4m², vị trí (ký hiệu C) diện tích 45.6m² thuộc một phần của thửa đất số 874, 637, loại đất ONT + CLN, tờ bản đồ số 05, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH01759, CH01756 cùng ngày 04/02/2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Vị trí, kích thước, phần đất ông H được chia và mở lối đi chung phải thi hành được căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 569/VPĐKĐĐ ngày 16/8/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích còn lại của thửa 874 sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thì ghi nhận thuộc quyền quản lý sử dụng của các ông bà Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại của ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị L2 (T3). Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H đối với đối với phần diện tích đất được công nhận nêu trên thì cập nhật phần lối đi chung theo bản án đã nêu trên theo quy định pháp luật.

6. Công nhận ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả giá trị phần đất số tiền 7.950.000 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) cho những người hàng thừa kế thứ nhất còn lại của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L2 (T3) gồm: Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị T1.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện tại tờ giấy viết tay có tiêu đề “ Tờ mua bán đất thổ cư” ngày 22/5/2004 giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn văn T4, Nguyễn Thị L2 (Thanh) về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa đất 874, tờ bản đồ số 5 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01756, ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho ông Nguyễn Văn T2 và vợ Nguyễn Thị L2 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

8. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 10.500.000 đồng. Công nhận nguyên đơn ông H và bà L đã nộp và chi xong.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.089.500 đồng. (Trong đó, 397.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 692.000 đồng án phí đối với phần tài sản được chia). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006573 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải nộp thêm 789.500 đồng.

10. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Ánh Đào